**Phụ lục I**

**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP TRONG GIẢI QUYẾT TTHC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Mã số TTHC trên CSDLQG** | **Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC** | **Phương án phân cấp (PC)** | **Kiến nghị thực thi** |
| **PC ngay** | **PC kèm theo điều kiện bảo đảm về nhân lực, kinh phí, CSVC khác...** |
| Cơ quan PC được đề xuất | Đề xuất ĐGH khác gắn với PC | Cơ quan PC được đề xuất | Đề xuất ĐGH khác gắn với PC | Đề xuất khác để bảo đảm PC hiệu quả (nếu có) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| **I** | **Hoạt động ngoại hối** |
|  | **Hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại tệ** |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia | 1.001841 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Sửa đổi: - Khoản 1 Điều 8 Quyết định 17/2004/QĐ-NHNN;- Điều 9 Thông tư 25/2011/TT-NHNN;- Điều 3 Thông tư 29/2015/TT-NHNN. |
|  | **Vay trả nợ nước ngoài** |
| 2 | Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | 1.000972 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Khoản 2 Điều 18 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016) (dự thảo Thông tư đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử NHNN để xin ý kiến rộng rãi) |
| 3 | Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | 1.000111 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Khoản 2 Điều 18 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016) (dự thảo Thông tư đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử NHNN để xin ý kiến rộng rãi) |
| 4 | Thủ tục đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh | 1.000122 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Khoản 6 Điều 8 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016) (dự thảo Thông tư đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử NHNN để xin ý kiến rộng rãi) |
| 5 | Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài | 1.000116 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Khoản 6 Điều 8 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016) (dự thảo Thông tư đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử NHNN để xin ý kiến rộng rãi). |
| 6 | Thủ tục đăng ký thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài có đối tượng tham gia là người lao động có quốc tịch Việt Nam | 2.000553 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Vụ Quản lý ngoại hối | Không |  |  |  | - Khoản 3 Điều 11, Điều 29 Thông tư 10/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 |
| **II** | **Lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng** |
| 1 | Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện | 1.001201 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Dự kiến sửa đổi Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt như sau:- Khoản 7 Điều 3: Bãi bỏ cụm từ “nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng”- Khoản 2 Điều 4: Cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng), Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được sửa đổi thành “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở”.- Khoản 3 Điều 14: Bãi bỏ cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng”- Khoản 2 Điều 14: Bãi bỏ cụm từ “hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng”- Khoản 3 Điều 14: Bãi bỏ cụm từ “hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” |
| 2 | Thủ tục xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện | 1.001508 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Dự kiến sửa đổi Thông tư số 43/2015/TT-NHNN như sau:- Khoản 7 Điều 3 Bãi bỏ cụm từ “nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” - Khoản 2 Điều 4 Cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng), Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được sửa đổi thành “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở”. |
| 3 | Thủ tục xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm | 1.001300 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Dự kiến sửa đổi Thông tư số 43/2015/TT-NHNN như sau:- Khoản 7 Điều 3 Bãi bỏ cụm từ “nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng”- Khoản 2 Điều 4 Cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng), Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được sửa đổi thành “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở”.- Khoản 4 Điều 10 Bãi bỏ cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng”- Khoản 3 Điều 10 Bãi bỏ cụm từ “hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” |
| 4 | Thủ tục thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng | 1.001655 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Sửa đổi Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như sau: - Khoản 6 Điều 13: Sửa đổi "Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)" thành "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh".- Khoản 6 Điều 13: Bỏ cụm từ "hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng" |
| 5 | Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng | 1.001668 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Sửa đổi Thông tư số 53/2018/TT-NHNN như sau:- Khoản 2 Điều 4: Bỏ cụm từ "nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)".- Điểm a Khoản 3 Điều 13: sửa cụm từ "Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)" thành "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh"; bỏ cụm từ "Cục Thanh tra giám sát ngân hàng hoặc "- Điểm b Khoản 3 Điều 13: Sửa cụm từ "Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)" thành "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh" |
| 6 | Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng | 1.001650 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Sửa Thông tư số 53/2018/TT-NHNN: - Khoản 2 Điều 4: Bỏ cụm từ "nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)"- Điểm a Khoản 2 Điều 18: Bỏ cụm từ "(nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng"- Điểm b Khoản 2 Điều 18: Bỏ cụm từ "(nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng"- Khoản 3 Điều 18: Bỏ cụm từ "(nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng" |
| 7 | Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại  | 1.000394 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | Sửa đổi Thông tư số 21/2013/TT-NHNN như sau:- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau: “Chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động).- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 quy định theo hướng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh dự kiến chấm dứt hoạt động chấp thuận đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của NHTM.  |
| 8 | Thủ tục chấp thuận thành lập Phòng giao dịch của Ngân hàng Hợp tác xã | 1.000633 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW | Không |  |  |  | - Đề nghị tách mã TTHC số 1.000633 thành 02 thủ tục: (i) Thủ tục chấp thuận thành lập Phòng giao dịch của Ngân hàng Hợp tác xã (Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC là NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố); (ii) Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh của Ngân hàng Hợp tác xã (Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC là NHNN Việt Nam).- Điều 30 Luật Các TCTD cjir quy định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và hiện diện thương mại mà không quy định đối với việc thành lập phòng giao dịch. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật Các TCTD. |